

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2023/HC-PT

Ngày: 19 - 7 - 2023

V/v “Khiếu kiện quyết định
hành chính về lĩnh vực quản
lý đất đai”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

ông Lê Tự

ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 56/2023/TLPT-HC ngày 14
tháng 4 năm 2023 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất
đai”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của
Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử phúc thẩm số 2496/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Cảnh L, sinh năm 1954; địa chỉ: tổ D, thôn Đ,
thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: số B T,
tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Minh C, chức vụ - Phó Chủ tịch Ủy
ban nhân dân huyện Q, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Hoàng Kim H, chức vụ - Phó
Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q, có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. bà Nguyễn Thị C1, bà Lê Thị T, ông Phùng Ngọc T1; cùng địa chỉ: tổ D,
thôn Đ, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (bà C1 có mặt, còn lại vắng mặt).

3.2. bà Phùng Thị M, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn G, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

3.3. bà Phùng Thị B, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

3.4. ông Phùng Bá Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

3.5. ông Phùng Bá L1, sinh năm 1979; ông Phùng Bá Q, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: thôn Đ, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (ông Q có mặt, ông L1 vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Nguyễn Cảnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Năm 1987, sau khi lập gia đình ông L làm đơn xin cấp đất để làm nhà ở thì được ông Hồ Văn C2 - Chủ nhiệm Hợp tác xã, Đội sản xuất số 3 cho sử dụng phần diện tích 1.760m² (mục đích sử dụng: thổ cư và đất màu) bao gồm cả thót đất đồi cao và thót đất dưới của cơ quan. ông L canh tác liên tục trên cả hai phần đất cho đến năm 1991 thì làm nhà ở thót đất đồi cao, thót dưới trồng tràm liên tục kể từ đó đến nay.

Ngày 22/5/1998 hộ gia đình ông L được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số L 731370 với diện tích sử dụng là 4.071m² (bao gồm 9 thửa: 04 thửa đất màu, 04 thửa đất lúa và 01 thửa đất ở + đất vườn). Khi nhận được GCNQSDĐ nêu trên, vợ chồng ông L luôn nghĩ thửa đất màu (thót đất dưới) đương nhiên nằm trong GCNQSDĐ và gia đình ông L vẫn trực tiếp sử dụng thửa đất này để trồng tràm từ đó đến nay.

Ngày 29/9/2021 con trai bà T là Phùng Ngọc T1 đưa xe đến mức hết bờ ranh giới giữa nhà ông L và nhà bà T, cày ủi thót đất dưới của gia đình ông L đang sử dụng. Vợ chồng ông L ra can ngăn thì lúc này mới biết được phần diện tích đất trên nằm trong GCNQSDĐ của hộ gia đình bà T.

Vợ chồng ông L có làm đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp ra UBND thị trấn H. Tại buổi hòa giải ngày 11/10/2021, đại diện hộ gia đình bà T cũng thừa nhận ông L sử dụng thót đất dưới để trồng tràm từ đó đến nay. Trên đất hiện nay vẫn còn cây cối ông L đang canh tác (14 cây lá tràm).

Thửa đất dưới (nay được xác định là thửa đất 61, tờ bản đồ 19) đã được gia đình tôi sử dụng hơn 30 năm nay, việc UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19 cho hộ gia đình bà Lê Thị T đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông L.

Do đó, ông Nguyễn Cảnh L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Huỷ một phần GCNQSDĐ do UBND huyện Q cấp ngày 22/5/1998 cho hộ bà Lê Thị T, ông Phùng H1 (đã chết) đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện

tích 500m² tại thôn Đông Tràm, thị trấn Hương An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

2. Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Q trình bày:

Hộ bà Lê Thị T được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m², loại đất: đất màu; địa chỉ: tại thôn B, xã Q (nay là TDP. Đ, thị trấn H), huyện Q.

Về hồ sơ 299/TTg: huyện Q không thực hiện hồ sơ 299/TTg, UBND huyện không có hồ sơ này.

Qua sao lục hồ sơ cấp GCNQSDĐ của hộ bà Lê Thị T tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m², loại đất: đất màu; địa chỉ: tại thôn B, xã Q (nay là TDP. Đ, thị trấn H), huyện Q gồm có:

- Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất mang tên chủ hộ: Lê Thị T; thường trú: thôn B, xã Q ký ngày 23/7/1997 và được UBND xã Q xác nhận ngày 18/8/1997, đăng ký 13 thửa đất; trong đó có thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m², loại đất: ĐM (đất màu).

- Sổ địa chính theo Nghị định 64/CP do UBND xã Q ký ngày 11/12/1997, Sở Địa chính tỉnh Q xác nhận ngày 25/12/1997: thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m², loại đất ĐRM, tên chủ sử dụng: Lê Thị T.

- Sổ mục kê theo Nghị định 64/CP: trang số 127, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m², mục đích sử dụng: ĐM, tên chủ sử dụng đất: Lê Thị T.

Trên cơ sở đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Lê Thị T ngày 23/7/1997 và được UBND xã Q xác nhận ngày 18/8/1997 và hồ sơ địa chính thực hiện theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ, UBND huyện Q đã cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Lê Thị T.

Việc cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, tại thôn B, xã Q (nay là TDP. Đ, thị trấn H), huyện Q cho bà Lê Thị T là đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. UBND huyện Q không đồng ý yêu cầu khởi kiện hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Q cấp cho hộ bà Lê Thị T, ông Phùng H1 (đã chết) đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m² tại thôn Đ, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T và những người trong hộ bà T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19 do hộ bà T sử dụng từ năm 1980, nằm trong khuôn viên đất của gia đình bà T. Gia đình bà T đã kê khai đăng ký và được cấp GCNQSDĐ diện tích đất trên. Diện tích đất thửa 61, tờ bản đồ số 19 nằm sát thửa đất có nhà ở của bà T, nhưng do bà T già yếu, các con bà T đi làm xa nên diện tích đất vườn bị bỏ hoang không canh tác. Những năm gần đây, gia đình có thấy ông L trồng bí và keo lá tràm, nhưng nghĩ đất gia đình bà T không canh tác nên vẫn để cho ông L trồng cây. Gần đây các con bà T về làm hàng rào thì xảy ra tranh chấp. Hộ bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015. Điều 36 Luật Đất đai 1993. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh L về yêu cầu “Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 22/5/1998 cho hộ bà Lê Thị T, ông Phùng H1 (đã chết) đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m² tại thôn Đ, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 ông Nguyễn Cảnh L kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

ông Nguyễn Cảnh L trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Tôi có trồng keo cách đây 10 năm và cách đây 3 năm thu hoạch. Tôi sử dụng đất có người làm chứng xác nhận. Thót đất dưới (đất tranh chấp) tôi chưa được cấp GCNQSDĐ, mặc dù tôi đã làm thủ tục xin cấp nhưng chính quyền cho rằng đất có tranh chấp nên không cấp. Đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam trình bày: UBND công khai việc đăng ký, kê khai đất đai và cấp GCNQSDĐ đối với toàn dân. bà T đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19 là thửa đất có tranh chấp hiện nay. Việc cấp GCNQSDĐ cho bà T đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh L là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: tại phiên tòa xét xử phúc thẩm ông L trình bày thể hiện ông bắt đầu trồng keo cách đây 10 năm, đã khai thác được 3 đợt, hiện còn sót lại một số gốc cây và một số cây mới trồng. Gia đình bà T thừa nhận đây là keo do ông L trồng. Mặc dù chính quyền địa phương xác nhận ông L sử dụng thửa đất có tranh chấp, nhưng không xác định được thời điểm sử dụng. Hồ sơ Sổ mục kê, Sổ địa chính thể hiện thửa đất tranh chấp do bà Lê Thị T kê khai. Do đó, bà T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19 là đúng pháp luật. ông L kháng cáo nhưng

không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh kháng cáo là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 ông Nguyễn Cảnh L kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh L là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 22/5/1998 Ủy ban nhân dân huyện Q cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Lê Thị T, ông Phùng H1 (đã chết) đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m² tại thôn Đ, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Ngày 11/10/2021 Ủy ban nhân dân thị trấn H hoà giải tranh chấp đất thì ông L mới biết hộ bà Lê Thị T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên. Ngày 13/12/2021 ông Nguyễn Cảnh L khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam huỷ một phần GCNQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho hộ bà Lê Thị T, ông Phùng H1 (đã chết) nêu trên. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh L:

[3.1] bà T và thành viên trong gia đình trình bày: nguồn gốc thửa đất tranh chấp do gia đình bà khai hoang, sử dụng từ năm 1980. Thửa đất vườn nằm sát thửa đất có nhà ở của bà T. Còn ông Nguyễn Cảnh L trình bày: năm 1987 ông làm đơn xin cấp đất làm nhà và được ông Hồ Văn C2 lúc đó là Chủ nhiệm Hợp tác xã cho sử dụng phần diện tích 1.760m². Một phần diện tích hiện nay ông L đã được cấp GCNQSDĐ và làm nhà ở, phần diện tích đất còn lại ông trồng cây và là thửa đất đang tranh chấp.

[3.2] Theo hồ sơ kê khai, đăng ký qua các thời kỳ thể hiện: ngày 23/7/1997 bà T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với 13 thửa đất; trong đó có thửa số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m², loại đất ĐM (đất màu) và đã được UBND xã Q ký xác nhận ngày 18/8/1997. Theo Sổ địa chính xã Q, hộ bà T kê khai đăng ký theo Nghị định số 64/CP được UBND xã Q ký xác nhận ngày 11/12/1997 và Sổ Địa chính tỉnh Q xác nhận ngày 25/12/1997, thể hiện tại trang số 127: thửa đất 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m², loại đất ĐRM, tên chủ sử dụng đất Lê Thị T. Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thể hiện: số thứ tự - 934, tên người sử dụng đất - Lê Thị T, diện tích - 6.489m², tổng số thửa - 13; trong đó có thửa số 61, tờ bản đồ số 19. GCNQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho hộ bà Lê Thị T ngày

22/5/1998 gồm 13 thửa đất; trong đó có thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m² (đất màu), thời hạn sử dụng 10/2017 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

[3.3] Ngày 22/7/2022 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: tài sản trên thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19 có 14 cây keo và một số gốc cây đã khai thác; bà T thừa nhận cây keo do ông Lưu t. Công văn số 337/UBND-KT ngày 10/11/2022 của UBND thị trấn H xác nhận hộ ông Nguyễn Cảnh L đang sử dụng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19. Tuy nhiên, ngày 20/02/2023 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xác minh với cán bộ địa chính xây dựng UBND thị trấn H về hiện trạng sử dụng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19 thể hiện: không xác định được thời điểm sử dụng của hộ ông L.

[3.4] Tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay, ông L trình bày: ông bắt đầu trồng keo trên thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19 cách đây 10 năm, đã khai thác được 3 đợt, hiện còn sót lại một số gốc cây và một số cây mới trồng. Quá trình sử dụng đất này ông không đăng ký, kê khai theo quy định của pháp luật. Như vậy, lời trình bày trên của ông L có căn cứ xác định ông Lưu t keo trên thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19 vào khoảng năm 2013. Do đó, đối chiếu lời trình bày của ông L theo đơn khởi kiện cho rằng ông trồng keo năm 1991 là mâu thuẫn và không có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại cấp phúc thẩm ông Lưu k cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung đã được phân tích tại mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh L2 là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh L2, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Cảnh L2 là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh L2, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015. Điều 36 Luật Đất đai 1993. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh L về yêu cầu “Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 22/5/1998 cho hộ bà Lê Thị T, ông Phùng H1 (đã chết) đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 19, diện tích 500m² tại thôn Đ, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam”.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Cảnh L2 được miễn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Tự

Phạm Ngọc Thái

Trần Quốc Cường